

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Điều chỉnh mức học phí đào tạo bậc đại học hệ vừa làm vừa học  
năm học 2022-2023**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 4/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/6/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 553/QĐ-ĐHNL-VLVH ngày 20/5/2016 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy định về tổ chức quản lý đào tạo hệ vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Nông Lâm;

Căn cứ Nghị quyết 28/NQ-HĐT ngày 05/9/2022 của Hội đồng Trường Đại học Nông Lâm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nông Lâm;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 11/01/2023 của Hội đồng Trường Đại học Nông Lâm v/v Phê duyệt Phương án điều chỉnh mức thu học phí năm học 2022-2023;

Căn cứ vào các hợp đồng đã ký giữa Nhà trường với các cơ sở liên kết;

Theo đề nghị của các ông, bà: Trưởng phòng KHTC, Giám đốc Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay quy định mức thu học phí đào tạo bậc đại học hệ vừa làm vừa học (VLVH), văn bằng 2, liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên đại học hệ VLVH năm học 2022 - 2023 của Trường Đại học Nông Lâm.

(Có mức thu học phí từng ngành/chuyên ngành cụ thể kèm theo)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực cho năm học 2022-2023 và thay thế cho Quyết định số 889/QĐ-ĐHNL-KHTC ngày 24/10/2022.

**Điều 3.** Các ông, bà: Trưởng phòng Kế hoạch tài chính, Giám đốc trung tâm Đào tạo theo nhu cầu xã hội, các cơ sở liên kết, thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *NS*

- Như điều 3;
- BGH (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC.



HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS. Nguyễn Hưng Quang



**QUY ĐỊNH MỨC HỌC PHÍ ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC  
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM HỌC 2022-2023**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 66 /QĐ-ĐHNL-KHTC ngày 01 tháng 01 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm)

DVT: Đồng

STT	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo	Mức thu học phí hệ VL VH theo tháng	Mức thu học phí hệ VL VH theo tín chỉ
<b>I</b>	<b>Nhóm ngành 3</b>		
1	Bất động sản	1.356.000	392.000
2	Kinh doanh quốc tế (Kinh doanh xuất nhập khẩu nông sản)	1.264.500	392.000
<b>II</b>	<b>Nhóm ngành 4</b>		
3	Công nghệ sinh học	1.477.300	424.000
4	Khoa học môi trường	1.483.000	424.000
<b>III</b>	<b>Nhóm ngành 5</b>		
5	Công nghệ kỹ thuật môi trường	1.462.500	426.500
6	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	1.462.500	432.500
7	Công nghệ thực phẩm	1.483.000	424.000
8	Công nghệ chế biến lâm sản	1.462.500	426.500
9	Chăn nuôi thú y	1.344.200	392.000
10	Dược - Thú y	1.462.500	426.500
11	Khoa học cây trồng (Trồng trọt)	1.353.200	392.000
12	Kinh tế nông nghiệp	1.285.000	392.000
13	Lâm sinh	1.462.200	415.300
14	Quản lý tài nguyên rừng (Quản lý tài nguyên và môi trường )	1.462.200	415.300
15	Nông lâm kết hợp	1.462.200	415.300
16	Nông nghiệp công nghệ cao	1.462.400	410.100
17	Phát triển nông thôn	1.274.700	392.000
18	Kinh doanh nông nghiệp	1.462.300	449.700
19	Bảo vệ thực vật	1.462.300	507.700
20	Thú y( BS Thú y)	1.462.200	424.300
21	Dược liệu & các hợp chất thiên nhiên	1.462.500	426.500
<b>IV</b>	<b>Nhóm ngành 7</b>		
22	Quản lý thông tin	1.362.200	392.000
23	Quản lý đất đai (Quản lý đất đai; Địa chính - Môi trường)	1.468.000	420.000
24	Quản lý tài nguyên thiên nhiên và du lịch sinh thái	1.453.000	420.000

